CÔNG TY TNHH SANWA VIỆT NAM

Số nhà 148 ngõ 8, xóm Cầu Bươu, X. Tả Thanh Oai, H. Thanh Trì, TP. Hà Nội

MST: 0109 10 6886 Hotline: 024.6686.4567 - 0944.686.989

Stk : 0200 851 67899 - NH TMCP Sài Gòn Thương Tín (CN Tân Triều)

SAWAVICO

BẢNG GIÁ SẢN PHẨM ATZ

Áp dụng từ (01/06/2020)

STT	TÊN SẢN PHẨM	ĐƯỜNG KÍNH	TIÊU CHUẨN	GIÁ (Chưa Vat)	GIÁ (Có Vat)
1	**Van Cổng Ty Chìm**				
		DN50	PN 16	1,000,000	1,100,000
		DN65	PN 16	1,285,714	1,414,286
		DN80	PN 16	1,428,571	1,571,429
		DN100	PN 16	1,928,571	2,121,429
		DN125	PN 16	2,571,429	2,828,571
		DN150	PN 16	3,142,857	3,457,143
		DN200	PN 16	5,142,857	5,657,143
		DN250	PN 16	8,642,857	9,507,143
		DN300	PN 16	11,657,143	12,822,857
		DN350	PN 16	22,857,143	25,142,857
		DN400	PN 16	28,000,000	30,800,000
		DN450	PN 16	49,285,714	54,214,286
		DN500	PN 16	52,142,857	57,357,143
2	**Lọc Y**				
		DN50	PN 16	571,429	628,571
		DN65	PN 16	697,143	766,857
		DN80	PN 16	950,000	1,045,000
		DN100	PN 16	1,342,857	1,477,143
		DN125	PN 16	1,685,714	1,854,286
		DN150	PN 16	2,442,857	2,687,143
		DN200	PN 16	4,885,714	5,374,286
		DN250	PN 16	6,471,429	7,118,571
3	**Van Một Chiều Cánh Lật Mặt Bích**				
		DN50	PN- 16	1,114,286	1,225,714
		DN65	PN- 16	1,357,143	1,492,857
		DN80	PN- 16	1,600,000	1,760,000
		DN100	PN- 16	2,114,286	2,325,714
		DN125	PN- 16	3,100,000	3,410,000
		DN150	PN- 16	3,757,143	4,132,857
		DN200	PN- 16	7,000,000	7,700,000
		DN250	PN- 16	10,285,714	11,314,286
		DN300	PN- 16	16,000,000	17,600,000
4	**Rọ Hút**				
		DN50	PN - 16	1,000,000	1,100,000
		DN65	PN - 16	1,328,571	1,461,429
		DN80	PN - 16	1,714,286	1,885,714
		DN100	PN - 16	2,142,857	2,357,143
		DN125	PN - 16	3,114,286	3,425,714
		DN150	PN - 16	4,450,000	4,895,000
		DN200	PN - 16	6,857,143	7,542,857
		DN250	PN - 16	10,357,143	11,392,857

5	**Van Bướm Tay Gạt**				
		DN50	PN - 16	388,571	427,429
		DN65	PN - 16	450,000	495,000
		DN80	PN - 16	571,429	628,571
		DN100	PN - 16	700,000	770,000
		DN125	PN - 16	885,714	974,286
		DN150	PN - 16	1,195,714	1,315,286
		DN200	PN - 16	2,042,857	2,247,143
6	**Van Bướm Tay Vô Lăng**				
		DN 100	PN - 16	1,185,714	1,304,286
		DN 150	PN - 16	1,842,857	2,027,143
		DN 200	PN - 16	2,471,429	2,718,571
		DN 250	PN - 16	3,185,714	3,504,286
		DN 300	PN - 16	4,485,714	4,934,286
		DN 400	PN - 16	11,957,143	13,152,857
		DN 500	PN - 16	17,835,714	19,619,286
		DN 600	PN - 16	32,857,143	36,142,857
7	**Khớp Chống Rung**				
		DN 50	PN - 16	392,857	432,143
		DN 65	PN - 16	442,857	487,143
		DN 80	PN - 16	571,429	628,571
		DN 100	PN - 16	771,429	848,571
		DN 125	PN - 16	1,095,714	1,205,286
		DN 150	PN - 16	1,394,286	1,533,714
		DN 200	PN - 16	1,714,286	1,885,714
		DN 250	PN - 16	2,785,714	3,064,286
		DN 300	PN - 16	3,428,571	3,771,429

Lưu ý: Quý khách có nhu cầu về size lớn hơn, xin vui lòng liên hệ trực tiếp.